

**Điều 2.1.2.2 – Thương phẩm là thực phẩm tươi được quét tại các điểm bán lẻ thông thường POS** (Fresh food trade items scanned in general retail at POS)

Sửa phần Quy tắc (Rules):

Tất cả quy tắc gán mã GTIN được mô tả tại Điều 4.

Đối với các quy tắc về phần diễn giải con người có thể đọc xem tại điều 4.14.

**Điều 2.1.7.1 – Thương phẩm là thực phẩm tươi có số đo biến đổi được quét tại điểm bán lẻ thông thường POS** (Variable measure fresh food trade items scanned in general retail at POS using GTIN)

Sửa phần Quy tắc (Rules):

Đối với các quy tắc về phần diễn giải con người có thể đọc xem tại điều 4.14.

**Điều 4.14 – Quy tắc về phần diễn giải con người có thể đọc HRI** (Human readable interpretation (HRI) rules)

Sửa đoạn đầu tiên phù hợp với GSCN 15-258:

Các quy tắc về phần diễn giải con người có thể đọc cung cấp việc chuẩn hóa in ấn và tạo thuận tiện cho việc đào tạo cán bộ về cách thức xử lý các bộ mang dữ liệu GS1 AIDC bị lỗi khi quét hoặc đọc.

Sửa chú thích thứ 3:

Các quy tắc HRI cho hệ mã vạch EAN/UPC và các mã vạch bổ sung được diễn giải tại Điều 5.2.3 HRI.

Bổ sung cho quy tắc 8:

Tất cả tùy chọn tiêu đề non-HRI, tiêu đề dữ liệu (xem Điều 3.2) có thể liên quan tới dữ liệu thay vì sử dụng số AI. Xem Hình 4.14-1 cho thấy ngày hết hạn và số lô được nhận diện với tiêu đề non-HRI và trong cùng hình đó, cùng dữ liệu hiển thị sử dụng tất cả định dạng AI. Việc biểu diễn có thể sử dụng tất cả các bộ mang dữ liệu GS1 AIDC sử dụng số phân định ứng dụng, ngoại trừ hệ mã vạch GS1-128.

Là một trường hợp lựa chọn về phần tiêu đề non-HRI, tiêu đề dữ liệu (xem điều 3.2) có thể đi cùng với dữ liệu thay cho việc sử dụng các số phân định ứng dụng AI. Xem hình 4.14-1 thể hiện ngày hết hạn và số lô được phân định với tiêu đề non-HRI và cũng trong hình đó cùng một dữ liệu như vậy

được chỉ ra bằng cách sử dụng định dạng AI. Có thể sử dụng những cách thể hiện này với tất cả các vật mang dữ liệu GS1 AIDC dùng AI không kể mã vạch GS1-128.

Quy tắc 9: Đối với các mã vạch (mã vạch phức hợp, GS1 DataMatrix) mã hóa một lượng lớn dữ liệu, có thể không thực tế khi thể hiện tất cả dữ liệu ở dạng HRI, hay thậm trí nếu còn khoảng trống để thể hiện dạng này, có thể không thực tế khi nhập khóa nhiều dữ liệu như vậy. Trọng những trường hợp này, có thể bỏ một số dữ liệu khỏi HRI. Tuy nhiên, vẫn phải luôn chỉ ra dữ liệu phân định chính (các khóa thuộc hệ thống GS1) như GTIN, GDTI. Quy định kĩ thuật về ứng dụng sẽ hướng dẫn về HRI.

Hình 4.14-2. HRI với một vài dữ liệu bị bỏ đi

Bổ sung cho quy tắc 9:

Đối với các mã vạch (mã vạch phức hợp, GS1 DataMatrix) mã hóa một lượng lớn dữ liệu, có thể không thực tế khi thể hiện tất cả dữ liệu ở dạng HRI, hay thậm trí nếu còn khoảng trống để thể hiện dạng này, có thể không thực tế khi nhập khóa nhiều dữ liệu như vậy. Trọng những trường hợp này, có thể bỏ một số dữ liệu khỏi HRI. Tuy nhiên, vẫn phải luôn chỉ ra dữ liệu phân định chính (các khóa thuộc hệ thống GS1) như GTIN, GDTI. Các đặc tả ứng dụng cung cấp hướng dẫn về việc giải nghĩa con người có thể đọc.

Hình 4.14-2 HRI với một số dữ liệu bị bỏ qua



(01)13112345678906

Sửa đánh số thứ tự Điều từ 5.2.3 thành 5.2.4 và các điều con:

**Điều 5.6.2.4 – HRI trong các mã vạch GS1 DataBar** (Human readable interpretation in GS1 DataBar symbols)

Xóa bỏ đoạn 2, đoạn 3 và Hình 5.6.2.4.1:

**Điều 5.7.3.7 – HRI trong các mã vạch GS1 DataBar** (Human readable interpretation in GS1 DataBar symbols)

Xóa đoạn 2 và chuyển đoạn văn này sang Điều 4.14:

**Điều 5.8.3 – HRI trong các mã vạch phức hợp** (Human readable interpretation of Composite symbols)

Xóa đoạn 2,3 và chuyển đoạn văn này sang Điều 4.14: